



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07KM (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV217

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07143049	NGUYỄN THÙY	AN	19/08/89		10	Mười
2	07143051	LÊ TRẦN TUẤN	ANH	05/12/88		01	Một
3	07143050	TÔ THỊ KIỀU	ANH	04/05/88		4	Bốn
4	07143052	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	20/10/89		4	Bốn
5	07143004	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	25/11/89		5	Năm
6	07143005	NGUYỄN PHÚ	CƯỜNG	10/12/89		3	Ba
7	07143007	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	10/03/88		4	Bốn
8	07143053	ĐOÀN TẤN	DƯƠNG	20/12/88		4	Bốn
9	07143008	LÊ XUÂN	ĐÀ	17/06/89		3	Ba
10	07143054	TRẦN THỊ HỒNG	GIANG	16/07/89		3	Ba
11	07143055	ĐÌNH HẢI	HÀ	24/06/88		8	Tám
12	07143056	NGUYỄN THỊ	HÀ	10/08/89		5	Năm
13	07143058	LÊ HOÀNG	HẢI	02/09/89		6	Sáu
14	07143057	NGUYỄN CHÍ	HẢI	13/06/88		5	Năm
15	07143012	LÊ THỊ	HANH	29/11/89		6	Sáu
16	07143011	NGUYỄN THỊ MỸ	HANH	25/11/89		5	Năm
17	07143059	HÀ CẨM	HĂNG	15/08/87		5	Năm
18	07143060	PHẠM THỊ THU	HĂNG	30/12/89		01	Một
19	07143013	DƯƠNG TRUNG	HIỀN	26/12/87		7	Bảy
20	07143061	NGUYỄN THU	HIỀN	31/07/88		3	Ba
21	07143062	BÙI VĂN	HOÀNG	19/05/89		3	Ba
22	07143063	NGUYỄN TRỌNG	HUY	20/05/89		5	Năm
23	07143065	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/11/88		4	Bốn
24	07143064	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	28/01/88		1/4	Bốn
25	07130150	SÂN A	KHIẾNG	06/04/89		01	Một
26	07143014	LÊ THỊ	KHUYẾN	27/12/88		6	Sáu
27	07143066	LÊ ĐÌNH	KIẾN	18/06/88		2	Hai
28	07143067	NGUYỄN THỊ	KIỀU	03/07/89		8	Tám
29	07143015	CAO THỊ	LAN	08/01/88		2	Hai
30	07143068	LÊ THỊ MỸ	LAN	22/04/89		7	Bảy
31	07143070	HUYỀN	LÂN	10/08/89		4	Bốn
32	07120067	ĐẶNG THỊ MINH	LIÊN	15/09/89		5	Năm
33	07143071	NGUYỄN THỊ THỤC	LINH	05/04/89		5	Năm
34	07143017	CAO THỊ	LOAN	01/08/88		5	Năm
35	07143072	PHẠM HỒNG	LOAN	24/08/89		7	Bảy
36	07143018	VÕ VĂN	LUÂN	20/02/85		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 33 Số tờ: 54

Ngày 24 tháng 06 năm 2008.

Cán bộ coi thi 1 Th

Cán bộ coi thi 2 Đào Duy Bình

Xác nhận của bộ môn

Kaulh

Cán bộ chấm thi 1

phư

Cán bộ chấm thi 2

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM

Th.S. NGÔ THIÊN



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV335

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135058	TRẦN MINH QUÝ	11/03/89			8	Tám
2	07135127	LÊ HOÀNG SƠN	15/10/89			00	Không
3	07135128	TRƯƠNG ĐẮC TAO	25/07/88			4	Bốn
4	07135130	LÊ THANH TÂM	15/04/85			3	Ba
5	07135059	NGUYỄN HỒNG THẢO	02/06/89			3	Ba
6	07135131	PHAN THỊ PHƯƠNG	10/09/89			4	Bốn
7	07135132	TRẦN QUỐC THẢO	05/02/88			8	Tám
8	07135133	NGUYỄN VĂN THẮNG	23/07/89			00	Không
9	07135134	NGUYỄN MINH THẾ	02/09/86			5	Năm
10	07135061	VÕ TẤN THI	23/02/89			6	Sáu
11	07135062	HUỖNH THI THƠ	12/07/89			3	Ba
12	07135136	ĐÀM THỊ THU	27/10/89			✓	✓
13	07135063	LÊ THỊ PHƯƠNG	05/04/88			5	Năm
14	07135064	TRẦN MINH THƯ	14/03/89			✓	✓
15	07135065	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/12/89			6	Sáu
16	07135068	TRƯƠNG THỊ THÚY	01/05/89			4	Bốn
17	07135139	NGÔ MẠNH TIẾN	15/11/89			8	Tám
18	07135140	TRẦN TRUNG TÍN	14/11/89			4	Bốn
19	07135141	PHẠM THỊ TOÀN	22/11/88			7	Bảy
20	07135142	NGUYỄN KIM TOÀN	16/11/89			6	Sáu
21	07135143	NGUYỄN MINH TOÀN	01/01/89			3	Ba
22	07135069	NGUYỄN THỊ THÙY	24/12/88			5	Năm
23	07135144	PHẠM NGỌC THỦY	28/10/89			5	Năm
24	07135070	NGUYỄN THỊ BÍCH	12/01/89			7	Bảy
25	07135071	TRẦN THỊ KIỀU	08/12/89			✓	✓
26	07135072	NGUYỄN TRUNG TRỌNG	01/08/89			9	Chín
27	07135145	ĐẶNG THỊ THANH TRÚC	09/01/89			✓	✓
28	07135073	NGUYỄN THÀNH TRUNG	05/01/89			8	Tám
29	07135074	TRỊNH THỊ BÍCH VÂN	09/02/89			7	Bảy
30	07135147	ĐÀO KHẮC ANH	21/09/89			✓	✓
31	07135148	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	25/07/87			5	Năm
32	07135150	ĐOÀN TRẦN VŨ	29/06/89			3	Ba
33	07135075	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/12/88			5	Năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 28 Số bài: 28 Sở từ: 5,3

Ngày 25 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 N.T.N. Bui

Cán bộ coi thi 2 N.T.N. Bui

Xác nhận của bộ môn Haith

Cán bộ chấm thi 1 N.T.N. Bui

Cán bộ chấm thi 2 N.T.N. Bui

Th.S. NGÔ THIÊN

BÙI TRANG PHƯƠNG MẠNG



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV333

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135104	NGUYỄN KHOA THỦY	LINH	04/09/89		9	Chín
2	07135039	TRẦN THỊ THỦY	LINH	14/07/89		5	Năm
3	07135105	TRÌNH THỦY	LINH	09/02/90		4	Bốn
4	07135041	NGUYỄN QUANG	LONG	23/02/88	✓		
5	07135042	VÕ TRÍ	LONG	29/04/88		00	Không
6	07135043	HỒNG TẬP	LỘC	28/11/88		2	Hai
7	07135107	PHẠM THỊ	LỘC	20/10/89		7	Bảy
8	07135108	TRẦN MINH	LUẬN	18/11/88		3	Ba
9	07135044	NGUYỄN TRUNG	LUẬT	15/03/87	✓		
10	07135045	NGUYỄN VĂN	LỰC	18/01/89		7	Bảy
11	07135109	TRẦN THỊ THANH	LÝ	05/07/89		7	Bảy
12	07135110	NGUYỄN THỊ	MAI	22/06/87		7	Bảy
13	07135046	ĐÌNH GIA	MANH	08/07/88		7	Bảy
14	07135111	TRƯƠNG KIỀU	MI	08/11/88		4	Bốn
15	07135112	LÊ THỊ DIỆU	MY	01/05/89		10	Mười
16	07135047	NG P THIÊN BỬU TRẢ	MY	16/09/89		01	Một
17	07135113	NGUYỄN THỊ THẾ	MỸ	18/09/89		4	Bốn
18	07135114	LÊ HOÀI	NAM	06/04/89		4	Bốn
19	07135048	NGUYỄN THỊ	NGA	02/12/87		7	Bảy
20	07135116	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	16/04/88		7	Bảy
21	07135115	VŨ THỊ	NGA	06/02/88		6	Sáu
22	07135117	LÊ BẢO	NGÂN	01/10/89	✓		
23	07135051	TRẦN HOÀNH	NGHỊ	27/04/89	✓		
24	07135120	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYỄN	29/04/89		5	Năm
25	07135119	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYỄN	02/06/88		5	Năm
26	07135052	TRẦN THỊ LAN	NHI	07/05/89		6	Sáu
27	07135053	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠng	15/10/89		5	Năm
28	07135122	NGUYỄN ĐĂNG	PHÚC	02/01/88		00	Không
29	07135123	ĐÌNH THỊ MINH	PHƯƠNG	11/02/89		5	Năm
30	07135056	TRẦN THỊ THẢO	PHƯƠNG	15/12/89		9	Chín
31	07135124	NGÔ THỊ TÚ	PHƯƠNG	17/09/88		3	Ba
32	07135125	NGUYỄN ĐẠT NGUYỆT	QUẾ	24/04/89		6	Sáu
33	07135126	LÊ VĂN	QUÝ	07/03/89	✓		

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 28 Số bài: 28 Số tờ: 45

Ngày 15 tháng 6 năm 2008.

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Hồng

Cán bộ coi thi 2

Nga
Bùi T Nga

Xác nhận của bộ môn

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM



Lại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV327

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	AN	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135001	TRẦN HỮU HÀ	AN	24/03/89			6	Sáu
2	07135002	ĐÌNH LÊ HOÀI	ANH	29/12/89			2	Hai
3	07135005	HOÀNG THẾ	ANH	05/07/89			5	Năm
4	07155003	LÃ THỊ LAN	ANH	25/12/89			5	Năm
5	07135003	NGUYỄN MAI	ANH	12/01/89			6	Sáu
6	07135077	PHAN TÚ	ANH	27/11/89			6	Sáu
7	07135078	TRẦN NGỌC	ANH	17/03/89			6	Sáu
8	07135151	NGÔ HẢI	CHI	24/01/89			6	Sáu
9	07135080	NGUYỄN HỮU	CHÍ	15/01/88			5	Năm
10	07159009	NGUYỄN NGỌC	CHIÊM	12/03/89			4	Bốn
11	07135008	NGUYỄN THỊ	DIỆM	20/09/89			4	Bốn
12	07135082	LÊ HÙNG	DỤC	20/08/87			6	Sáu
13	07135009	NGUYỄN THÙY	DUNG	05/08/89			4	Bốn
14	07135010	NGUYỄN ANH	DUY	04/01/88			2	Hai
15	07135083	NGUYỄN QUANG	DUY	29/10/89			00	Không
16	07135084	LÊ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	14/09/88			4	Bốn
17	07135085	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	24/04/89			8	Tám
18	07135086	TRẦN QUANG	ĐÀO	10/05/87			6	Sáu
19	07135011	LÂM QUỐC	ĐẠT	22/09/89			3	Ba
20	07135012	TRẦN MINH	ĐÌNH	13/02/89			3	Ba
21	07135013	ĐÀO XUÂN	ĐỨC	10/06/86			10	Mười
22	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	09/06/88			00	Không
23	07147020	PHẠM NGUYỄN CÔNG	ĐỨC	25/08/89			9	Chín
24	07135014	LÊ THỊ HỒNG	GÃM	11/03/88			5	Năm
25	07135016	HỒ PHẠM TRẢ	GIANG	09/12/89			8	Tám
26	07135089	NG PHƯƠNG HOÀNG	HẢI	12/11/89			4	Bốn
27	07135018	NGUYỄN MINH	HẢI	10/05/84			2	Hai
28	07135019	NGUYỄN THỊ MỸ	HANH	26/03/89			7	Bảy
29	07135090	NGUYỄN THỊ	HẢO	24/12/89			7	Bảy
30	07135020	NG HUỲNH PHƯƠNG	HẰNG	28/09/89			8	Tám
31	07135092	VĂN NGUYỄN TUYẾT	HẰNG	05/10/89			6	Sáu
32	07135094	ĐẶNG THẾ	HÂN	26/03/88			6	Sáu
33	07135021	HUỲNH THỊ NGỌC	HÂN	12/08/89			9	Chín
34	07135093	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	26/02/88			00	Không
35	07135095	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	05/01/87			7	Bảy
36	07135023	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	08/07/89				

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07135022	TRẦN THỊ MINH	HIẾU	28/04/89		7	Bảy
38	07135026	LÊ THỊ	HÒA	02/11/89		7	Bảy
39	07135025	LƯU THÁI	HÒA	01/10/88		2	Hai
40	07135027	LÊ THANH	HỒ	25/10/89		5	Năm
41	07135028	VŨ VĂN	HUẤN	20/09/86		7	Bảy
42	07135029	NGUYỄN THỊ	HUỆ	24/09/89		6	Sáu
43	07135030	PHẠM NHẬT	HUY	21/07/88		4	Bốn
44	07135098	NGUYỄN THỊ THỤC	HUYỀN	21/10/89		7	Bảy
45	07135099	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYNH	07/11/89		✓	✓
46	07135031	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	12/01/88		9	Chín
47	07135032	TRẦN HÀ MINH	HƯƠNG	12/07/89		✓	✓
48	07135033	VƯƠNG HỒNG	KÁCH	21/10/89		6	Sáu
49	07135034	TRẦN ĐĂNG	KHOA	25/12/89		3	Ba
50	07135102	NGUYỄN NGÔ BẢO	KHUYẾN	28/02/88		5	Năm
51	07135035	VÕ THỊ HOÀNG	KHƯƠNG	22/03/89		5	Năm
52	07135103	ĐOÀN THỊ HỒNG	LÊ	10/01/89		3	Ba
53	07135036	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	21/10/89		8	Tám
54	07135106	CAO THÁI TRÚC	LINH	12/02/89		4	Bốn
55	07135038	NGUYỄN CHÍ	LINH	21/04/89		4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 52 Số bài: 52 Sở từ: 90

Ngày 05 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Họ Thị Mỹ Hương

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07PT (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV315

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07114072	MAI THỊ DUYỀN	09/03/88		<i>mai</i>	4	Bốn
2	07121007	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	17/07/88		<i>hnh</i>	7	Bảy
3	07121008	PHAN THỊ HẰNG	19/05/88		<i>phang</i>	5	Năm
4	07121001	ĐOÀN QUỐC KHÁNH	15/04/88		<i>khánh</i>	5	Năm
5	07121005	KỖ THỊ LAN	19/03/87		<i>lan</i>	2	Hai
6	07121010	NGUYỄN VĂN LỢI	03/10/89		<i>loi</i>	3	Ba
7	07121011	TRƯƠNG THỊ HUỖNH MAI	16/05/89				Vàng
8	07121002	HOÀNG THỊ KIM PHƯƠNG	17/08/89				Vàng
9	07121014	TÀ THỊ SÁU	16/06/88		<i>sau</i>	4	Bốn
10	07121003	TRẦN THỊ THẨM	23/10/88		<i>tham</i>	5	Năm
11	07121016	PHAN VĂN THẮNG	15/05/87		<i>thang</i>	3	Ba
12	07121004	TRẦN QUỐC TOÀN	16/09/89		<i>toan</i>	4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 10 Số bài: 10 Số tờ: 10

Ngày 25 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Vũ Thị Nga* Cán bộ coi thi 2 _____

Xác nhận của bộ môn *Ha* Cán bộ chấm thi 1 *ph* Cán bộ chấm thi 2 _____

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM

Th.S. NGÔ THIỆN



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07KN (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV227

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ĐIỂM	Ng/Sinh	SỐ TỜ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07155001	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆM	06/05/89		<i>ngoc</i>	3	Ba
2	07155004	TRẦN TRỌNG	HẬU	21/12/88		<i>truong</i>	3	Ba
3	07155005	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	19/11/89		<i>thanh</i>	5	Nam
4	07155006	HUỲNH THỊ BÍCH	LÊ	29/06/86		<i>bich</i>	4	Bốn
5	07155008	CAO THỊ NGỌC	NGÂN	19/11/89		<i>ngoc</i>	3	Ba
6	07155011	HUỲNH MỸ	PHƯƠNG	08/11/89		<i>my</i>	7	Bảy
7	07155002	NGÔ THỊ ANH	THỨ	10/02/89		<i>anh</i>	7	Bảy
8	07155013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRẦN	29/10/88		<i>ngoc</i>	5	Năm
9	07155014	LÊ CAO KHÁNH	TRUNG	15/01/89		<i>khanh</i>		
10	07155016	HUỲNH NGUYỄN	VY	13/11/89		<i>nguyen</i>	5	Năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 9 Số bài: 9 Số tờ: 15

Ngày 24 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Th. Ngô Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2 Th. P. Huyền

Xác nhận của bộ môn Hauk

Cán bộ chấm thi 1 phun

Cán bộ chấm thi 2

Th.S. NGÔ THIÊN

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07363001	HUYNH THI THUY	AN	20/07/89		✓	
2	07363006	HỒ THI HUYNH	ANH	23/12/89		6	sáu
3	07363007	NGUYỄN MINH	ANH	16/10/89		5	năm
4	07363009	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	21/05/88		8	tám
5	07363010	VŨ THỊ	BÔNG	18/05/86		8	tám
6	07363011	LÊ THỊ	CÁNH	02/04/88		✓	
7	07363012	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	08/08/89		4	bốn
8	07363014	NGÔ THÀNH	CHUNG	07/06/89		4	bốn
9	07363016	TRẦN THỊ	DIỄM	01/01/89		4	bốn
10	07363018	ĐÀO THỊ NGỌC	DIỆU	29/02/89		1	một
11	07363019	TRẦN PHI HOÀI	DỪNG	06/01/88		3	ba
12	07363023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ĐÀI	09/10/89		6	sáu
13	07363024	NGUYỄN THỊ	ĐẠT	02/01/89		6	sáu
14	07363025	NGUYỄN THỊ MINH	ĐĂNG	08/08/88		5	năm
15	07363028	LÊ VIỆT	ĐỨC	11/06/89		2	hai
16	07363027	PHẠM THỊ	ĐỨC	20/04/88		4	bốn
17	07363029	LÊ THỊ NGỌC	GIÀU	30/09/89		7	bảy
18	07363030	PHẠM THÁI	HÀ	12/01/89		6	sáu
19	07363031	ĐỖ VĂN	HẢI	21/10/89		2	hai
20	07363033	NGUYỄN THỊ	HANH	25/06/89		5	năm
21	07363035	NGUYỄN THỊ	HÀNG	20/09/89		5	năm
22	07363036	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	03/11/89		8	tám
23	07363038	PHẠM THỊ THÚY	HÀNG	25/03/89		2	hai
24	07363039	TRẦN ĐÀO TUYẾT	HÀNG	28/08/89		5	năm
25	07363044	DƯƠNG THỊ THU	HIỀN	02/10/88		4	bốn
26	07363045	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	23/03/88		4	bốn
27	07363040	LÊ THỊ DIỆU	HIỀN	11/10/89		5	năm
28	07363042	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/09/89		5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Số tờ: 39

Ngày 25 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 2

Th.s. Ngô Thiên

Hoàng Quốc Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD200

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07363092	PHAN THỊ KIỀU	LOAN	29/12/87		5	năm
2	07363096	HỒ THỊ	LỢI	29/08/89		6	sáu
3	07363097	LƯƠNG THÁNH	LUÂN	26/10/89		2	hai
4	07363100	PHẠM NG THỊ HƯƠNG	LY	03/10/89		7	bảy
5	07363233	TRẦN NGỌC	MAI	05/04/89		5	năm
6	07363102	ĐOÀN THỊ	MÂN	15/05/88		6	sáu
7	07363105	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/11/89		5	năm
8	07363106	NGUYỄN THỊ ÁI	MỸ	02/04/89		6	sáu
9	07363107	NGUYỄN THỊ LY	NA	10/10/88		2	hai
10	07363108	ĐÀO HỮU	NAM	13/09/84		3	ba
11	07363109	HOÀNG THỊ	NÂN	20/09/88		4	bốn
12	07363111	LÊ THỊ	NGA	21/10/88		5	năm
13	07363113	NGUYỄN THỊ	NGA	28/10/88		4	bốn
14	07363110	TRÀ THỊ HỒNG	NGA	28/09/89		5	năm
15	07363116	HÀ THỊ	NGÂN	20/10/87		4	bốn
16	07363117	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	11/08/89		6	sáu
17	07363114	NGUYỄN VŨ KIM	NGÂN	03/02/89		3	ba
18	07363115	TRẦN THÁI	NGÂN	11/07/88		6	sáu
19	07363119	HUYỀN KIM	NGỌC	14/02/89		5	năm
20	07363120	NGUYỄN KIM	NGỌC	12/12/89		4	bốn
21	07363122	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	24/05/89		8	tám
22	07363124	LÊ ĐỨC	NGUYỄN	03/02/88		3	ba
23	07363123	LÊ THỊ BÌNH	NGUYỄN	10/09/87	✓	✓	
24	07363126	BÙI THỊ THU	NGUYỆT	02/02/89		4	bốn
25	07363128	DƯƠNG THỊ UYÊN	NHI	06/10/89		5	năm
26	07363129	PHẠM THỊ YẾN	NHI	26/02/88		7	bảy
27	07363131	NGUYỄN HÀ MI	NI	01/01/89		4	bốn
28	07363133	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	01/01/89		5	năm
29	07363135	VŨ HỒNG	PHÚC	16/07/89		2	hai
30	07363137	ĐẶNG VĂN	PHƯỚC	14/12/88		5	năm
31	07363140	ĐÌNH KIM	PHƯƠNG	01/07/89		3	ba
32	07363141	LẠI THỊ THANH	PHƯƠNG	01/05/89		6	sáu
33	07363142	MAI THỊ THANH	PHƯƠNG	26/04/89		5	năm
34	07363139	PHAN TRẦN BÍCH	PHƯƠNG	02/11/88		4	bốn
35	07363145	TRẦN CHÍ	QUÂN	02/12/89		4	bốn
36	07363147	TRẦN PHÚ	QUỐC	22/07/89		5	năm

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07363149	DƯƠNG THỊ LỆ	QUYÊN	14/10/89		4	bốn
38	07363150	TRƯƠNG TRÚC	QUYÊN	19/09/86		5	năm
39	07363154	NGUYỄN THIÊN	TÂM	01/01/89		3	ba
40	07363157	NGUYỄN DUY	THẢO	16/07/89		5	năm
41	07363160	NGUYỄN THỊ	THẢO	10/02/89		4	bốn
42	07363158	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/04/89		6	sáu
43	07363162	PHẠM THỊ VI	THẢO	11/06/89		5	năm
44	07363159	TRẦN THỊ THANH	THẢO	09/05/88		5	năm
45	07363163	TRẦN THỊ HỒNG	THẨM	20/07/89		8	tám
46	07363165	NGUYỄN ANH	THỊ	16/06/88		5	năm
47	07363168	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	03/05/89		8	tám
48	07363170	TRẦN THỊ HOÀI	THU	22/04/89		4	bốn
49	07363171	TRẦN THỊ LỆ	THU	27/05/89		5	năm
50	07363231	BÙI THỊ BÍCH	THUẬN	10/10/89		✓	✓
51	07363175	HỒ THỊ LÊ	THÚY	16/10/89		5	năm
52	07363174	TRẦN THỊ BÍCH	THÚY	10/10/89		4	bốn
53	07363176	NGÔ THỊ MINH	THÚY	20/11/89		2	hai
54	07363178	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	27/09/89		9	chín
55	07363179	PHẠM THỊ THANH	THÚY	06/05/89		4	bốn
56	07363182	NGUYỄN THỊ	THÚY	21/01/89		6	sáu
57	07363183	VŨ THỊ	THÚY	05/08/88		5	năm
58	07363185	HỒ HOÀNG	THỨ	20/10/89		5	năm
59	07363184	NGUYỄN TRẦN ANH	THỨ	29/01/89		4	bốn
60	07363187	CHÂU NGỌC MỸ	TIẾN	14/09/89		3	ba
61	07363189	LÊ THỊ	TIẾN	16/12/89		5	năm
62	07363198	DƯƠNG ĐIỀN UYÊN	TRANG	05/08/89		6	sáu
63	07363192	HỒ HUYỀN	TRANG	06/09/89		6	sáu
64	07363197	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	10/03/88		5	năm
65	07363193	NGUYỄN VŨ HUYỀN	TRANG	30/11/88		5	năm
66	07363195	PHẠM THỊ THU	TRANG	19/12/89		4	bốn
67	07363194	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	04/12/89		✓	✓
68	07363232	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRANG	15/08/89		4	bốn
69	07363200	LÊ NGỌC	TRẦN	24/08/89		3	ba
70	07363201	VŨ THÀNH	TRÍ	04/03/89		5	năm
71	07363202	NGUYỄN THỊ CÁT	TRÌNH	22/10/89		7	bảy
72	07363206	HUYỀN THỊ HỒNG	TÚ	25/06/89		5	năm
73	07363207	NGUYỄN THANH	TUẤN	06/03/89		3	ba
74	07363208	HOÀNG THANH	TÙNG	28/07/89		✓	✓

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và Tên	TUYỂN	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07363209	HOÀNG THỊ MINH	TUYỂN	02/12/88		<i>Minh</i>	5	năm
76	07363212	NGUYỄN THANH	TUYỂN	1 / 89		<i>Thanh</i>	7	bảy
77	07363213	PHẠM THỊ THANH	TUYỂN	10/03/89		<i>Thanh</i>	3	ba
78	07363214	ĐỖ QUỲ PHƯƠNG	UYỂN	01/01/89		<i>Phu</i>	3	ba
79	07363216	NGUYỄN THỊ NGỌC	VÀNG	22/01/89		<i>Ngoc</i>	3	ba
80	07363217	NGUYỄN THỊ BÉ	VÂN	24/10/88	✓		✓	
81	07363219	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	01/10/84		<i>Hong</i>	4	bảy
82	07363221	NGUYỄN TRẦN THUY	VÂN	09/07/89		<i>Thuy</i>	5	năm
83	07363222	PHẠM THỊ	VINH	14/02/89		<i>Pham</i>	5	năm
84	07363234	LÊ NGỌC	VŨ	20/10/87		<i>Ngoc</i>	3	ba
85	07363224	NGUYỄN HỮU	XUÂN	20/06/88		<i>Huu</i>	3	ba
86	07363225	PHẠM NGUYỄN THỊ	XUÂN	02/09/89		<i>Pham</i>	2	hai
87	07363226	ĐỖ THUY NHƯ	Ý	03/08/89		<i>Thuy</i>	2	hai
88	07363227	MẠNH THỊ NHƯ	Ý	08/12/89		<i>Manh</i>	5	năm
89	07363230	PHẠM THỊ NGỌC	YẾN	15/11/89		<i>Pham</i>	2	hai

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 84 Số bài: 84 Số tờ: 111

Ngày 25 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Phu*

Cán bộ coi thi 2 *Phu* *Thi Hoàng Anh*

Xác nhận của bộ môn *Phu*

Cán bộ chấm thi 1 *Phu*

Cán bộ chấm thi 2 _____

Ths. Ngô Xuân

Hoàng Quốc Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Toán cao cấp C2 (02115) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 25/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD106

Trang 1

STT	Hà SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	SốTĐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07363041	NGUYỄN THỊ ĐIỀU	HIỀN	27/12/89		<i>Flu</i>	4	bốn
2	07363043	NINH THỊ	HIỀN	01/01/88		<i>nh</i>	5	năm
3	07363047	VÕ THÀNH	HIỆP	01/09/86				
4	07363050	NGHỊ THỊ KIM	HOÀNG	13/06/89		<i>7</i>	7	bảy
5	07363051	NGUYỄN MINH	HOÀNG	12/04/90		<i>nh</i>	6	sáu
6	07363056	LÊ TRẦN THỊ NHƯ	HÔNG	01/06/88		<i>ll</i>	4	bốn
7	07363054	NGUYỄN KHÁNH	HÔNG	23/03/88		<i>Khánh</i>	2	hai
8	07363057	HUỖNH MỘNG KIM	HÔNG	21/06/89		<i>nh</i>	7	bảy
9	07363058	TRẦN GIA	HUY	23/03/88		<i>Huy</i>	4	bốn
10	07363059	TRINH THỊ THANH	HUYỀN	08/10/89		<i>Thanh</i>	3	ba
11	07363060	HOÀNG THỊ LAN	HƯƠNG	05/10/89		<i>Hương</i>	4	bốn
12	07363061	PHAN THỊ	HƯƠNG	28/04/89		<i>Hương</i>	3	ba
13	07363063	NGUYỄN VĂN	HƯƠNG	03/07/86		<i>nh</i>	4	bốn
14	07363066	LÊ QUỐC	KHANH	19/04/89		<i>me</i>	4	bốn
15	07363067	QUÁCH PHẠM VĂN	KHANH	04/08/89		<i>Khánh</i>	3	ba
16	07363064	TỔNG THỊ KIỀU	KHANH	14/09/89		<i>Tổng</i>	3	ba
17	07363065	TRẦN ĐÌNH NGỌC	KHANH	20/01/89		<i>nh</i>	7	bảy
18	07363069	LÊ THỊ THÚY	KIỀU	15/05/89				
19	07363070	PHẠM THỊ THÚY	KIỀU	24/10/89		<i>nh</i>	8	tám
20	07363071	NGUYỄN KHẮC	KỶ	29/01/89		<i>kh</i>	5	năm
21	07363073	LÊ THỊ	LAN	16/06/89				
22	07363072	PHẠM THỊ MỸ	LAN	10/01/88		<i>lans</i>	5	năm
23	07363074	NINH THỊ	LANH	01/06/88		<i>nh</i>	5	năm
24	07363075	NGUYỄN THỊ	LÀNH	02/08/88		<i>nh</i>	5	năm
25	07363076	TRẦN THỊ NGỌC	LÊ	12/04/89		<i>ng</i>	3	ba
26	07363080	ĐỖ THỊ	LIÊN	05/08/89		<i>liên</i>	3	ba
27	07363078	VÕ THỊ NGỌC	LIÊN	24/09/89		<i>liên</i>	4	bốn
28	07363081	VÕ THỊ BÍCH	LIÊU	19/11/89		<i>li</i>	5	năm
29	07363084	HOÀNG THỊ DIỆM	LINH	21/02/89		<i>th</i>	4	bốn
30	07363089	LÊ THÚY	LINH	08/11/89		<i>th</i>	4	bốn
31	07363088	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23/04/89		<i>ph</i>	5	năm
32	07363090	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	16/06/89		<i>th</i>	7	bảy
33	07363091	TRẦN THỊ THÚY	LINH	06/06/89		<i>th</i>	1	một
34	07363083	TRƯƠNG THỊ ÁNH	LINH	06/04/89		<i>anh</i>	5	năm
35	07363094	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	17/10/88				